

Số: 68/QĐ-VKS

An Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục 3 - VKSNDTC;
- Viện kiểm sát huyện, thị, TP;
- Niêm yết trụ sở cơ quan;
- Công khai trên trang thông tin điện tử;
- Lưu: VP 2b (VT, KT). T.15b.



Đơn vị: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang
Chương: 004



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 68/QĐ-VKS ngày 11/01/2023 của
Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.706,200
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.706,200
1	Chi quản lý hành chính	13.706,200
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.543,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.163,200
	

Ghi chú:

I. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

1.Kinh phí thực hiện tự chủ	5.543.000.000
1.1 Định mức chi thường xuyên cơ sở	4.718.000.000
- Định mức chi thường xuyên cơ sở của Biên chế	4.466.000.000
- Định mức chi thường xuyên bổ sung cho VKSND cấp huyện được trang bị xe chuyên dùng	252.000.000
1.2 Các khoản định mức chi thường xuyên đặc thù	825.000.000
- Hỗ trợ đơn vị có cửa khẩu giáp biên giới	40.000.000
- Hỗ trợ các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ	50.000.000
- Hỗ trợ kinh phí mua sắm thay thế máy vi tính để bàn (13 bộ x 15trđ/bộ)	195.000.000
- Hỗ trợ kinh phí mua sắm thay thế máy photocopy (06 chiếc x 90trđ/chiếc)	540.000.000
2.Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.872.000.000
2.1 Chi hỗ trợ hoạt động đặc thù ngoài định mức	596.000.000
- Hỗ trợ kiểm sát trại giam, nhà tạm giữ	180.000.000
- Chi hỗ trợ hoạt động đặc thù khác	416.000.000
2.2 Kinh phí giao theo nhiệm vụ	23.000.000
- Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng	23.000.000
2.3 Kinh phí may sắm trang phục	1.243.000.000
2.4 Bảo trì, sửa chữa trụ sở VKSND TX Tân Châu	800.000.000
2.5 Kinh phí mua sắm theo đề án	5.210.000.000
- KP mua xe ô tô theo đề án 05 xe (01 cầu x 720 trđ/xe)	3.600.000.000
- KP mua máy móc trang thiết bị đề án gồm:	1.610.000.000
+ KP mua máy vi tính xách tay chuyên dùng (22 máy x 35 trđ/máy)	770.000.000
+ KP mua máy in mạng chuyên dùng (05 máy x 30 trđ/máy)	150.000.000
+ KP mua máy scan (A3, A4) siêu tốc (05 máy x 88 trđ/máy)	440.000.000
+ KP mua máy photocopy siêu tốc (01 máy x 250 trđ/máy)	250.000.000
II. KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ (L070-085)	291.200.000